I. READING (PHẦN ĐỌC)

Part 1. Look and circle the <u>correct sound</u>. There is one example.
(Nhìn và khoanh vào <u>âm đúng</u>. Xem ví dụ bên dưới). ____ / 5

(a) b c

h t d

m t e

t g h

t d b

a k h

Part2. Look, read and circle the correct answer. There is one example.

(Nhìn, đọc và khoanh vào đáp án đúng. Xem ví dụ bên dưới) _____ / 10

0. A. (chair) B. desk C. flower

1. A. rice B. soup C. noodles

2. A. train B. kite C. car

3. A. dress B. T-shirt C. shoes

LIVEWORKSHEETS

4. A. a hand B. an eye C. hair

5. A. chicken B. fish C. soup

6. A. a truck B. a top C. a bike

7. A. an ear B. rice C. fish

8. A. chicken B. a banana C. a cookie

9. A. a sandwich B. an apple C. an egg

10. A. a grape B. a banana C. a pear

Part 3. Look, read and circle "yes" or "No"
(Nhìn tranh, đọc và khoanh vào từ "yes" hoặc "No") _____ / 5

1. Is there an apple? Yes No

2. Is there a jacket? yes No

3. Those are socks. yes No

LIVEWORKSHEETS

4.		He can swim.	Yes	No
5.		His nose is small.	Yes	No
6.	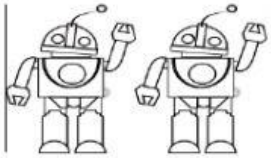	Are these the robots?	Yes	No

Part 4. Read and circle True (T)/ False (F).

(Đọc đoạn văn và khoanh vào *True(T)* hoặc *False(F)*). _____ / 5

My favorite toy is my doll. Her name is Kate. She is small. She is wearing a pink dress. I play with her in my bedroom. She sleeps with me in my bed. I love her very much.

0.	My favorite toy is my teddy bear.	T	F
1.	Her name is Kate.	T	F
2.	She is wearing a blue dress.	T	F
3.	I play with her in my bedroom.	T	F
4.	She sleeps with me on the chair.	T	F
5.	I love her very much.	T	F

Part 5. Read and color. (đọc và tô màu đúng) _____/ 5

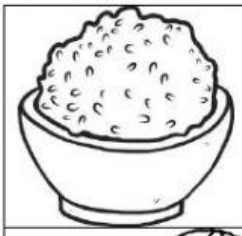		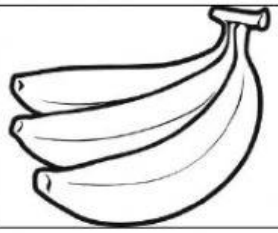
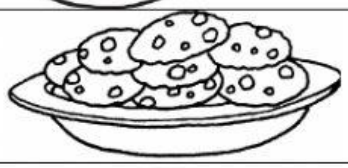		

LIVEWORKSHEETS

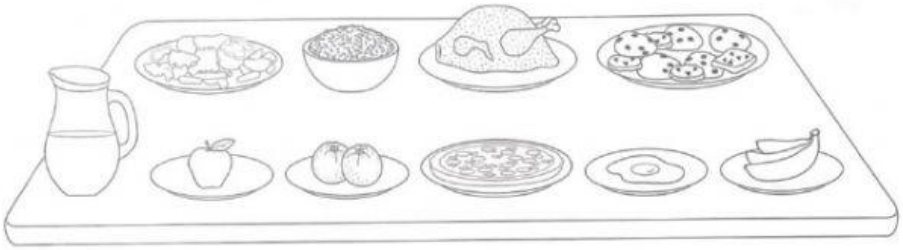

1. Color the bananas yellow.
2. Color the cookies brown.
3. Color the apple green.
4. Color the rice white.
5. Color the oranges orange.

III. WRITING (PHẦN VIẾT)

Part 1. Look, read and write the correct words. (Nhìn, đọc và viết từ đúng) _____ / 5

~~ear~~	**cookies**	**banana**
tops	**skirt**	**eyes**

0. It's an ear.
1. They're_____.
2. She's wearing a_____.

3. I want a_____.
4. They're_____.
5. They're_____.

Part 2. Look, read and write the correct answer. There is one example.

(Nhìn, đọc và viết đáp án đúng. Xem ví dụ bên dưới). **_____ / 5**

Yes, it is.	No, I don't.	It's a teddy bear.
~~It's an apple.~~	They're ears.	She's wearing a dress.

0. What is it?

It's an apple.

1. Is it a train?

_____

LIVEWORKSHEETS

2. Do you like rice? _____

3. What are they? _____

4. What is it? _____

5. What's she wearing? _____

Part 3. Reorder the words. (sắp xếp từ để tạo thành câu hoàn chỉnh) _____/ 10

0. are/ my/ Those/shoes/./ Those are my shoes.

1. He's/shirt/ wearing/ a/./ _____

2. like/ you/ Do/?/apples/ _____

3. are/ Those/ gloves/./my/ _____

4. It/ an/ is/ orange/./ _____

5. a/ you/ Do/ want/?/bike/ _____

The end!

LIVEWORKSHEETS